

TRƯỜNG THPT UÔNG BÍ
ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ HỌC KÌ 2 LỚP 10
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN ĐỊA LÍ

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CỤ THỂ THEO CHỦ ĐỀ

A. ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

BÀI 31. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. Vai trò và đặc điểm của công nghiệp

1. Vai trò

- Công nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân
- Tạo ra tư liệu sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho các ngành kinh tế từ đó thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển.
- Giải phóng sức lao động, tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng, nâng cao trình độ văn minh của toàn xã hội.
- củng cố an ninh quốc phòng.
- Khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

2. Đặc điểm

a. Sản xuất công nghiệp gồm 2 giai đoạn

- Giai đoạn 1: Tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguồn nguyên liệu
- Giai đoạn 2: Chế biến nguyên liệu để tạo ra tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng

b. Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ: Thể hiện ở sự tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm trên 1 diện tích nhất định.

c. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

3. Phân loại

- Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động ngành công nghiệp được chia thành hai nhóm:
 - + Công nghiệp khai thác.
 - + Công nghiệp chế biến.
- Dựa vào công dụng kinh tế của sản phẩm ngành công nghiệp được chia làm hai nhóm:
 - + Công nghiệp nặng (nhóm A).
 - + Công nghiệp nhẹ (nhóm B).

II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp

1. Vị trí địa lí

- Lựa chọn địa điểm, cơ cấu ngành công nghiệp, hình thức tổ chức lãnh thổ.

2. Điều kiện tự nhiên

- Khoáng sản: Chi phối tới quy mô, cơ cấu và tổ chức các xí nghiệp công nghiệp.
- Khí hậu và nước: vừa tác động trực tiếp vừa tác động gián tiếp
- Đất, rừng, biển: Đất - tạo mặt bằng để xây dựng xí nghiệp, rừng, biển - cung cấp nguyên liệu...

3. Kinh tế - xã hội

- Dân cư - lao động: trình độ lao động cho phép phát triển và phân các ngành công nghiệp phù hợp.
- Tiến bộ khoa học - kĩ thuật: Cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên, phân bố các ngành công nghiệp hợp lí. Nâng cao năng suất, chất lượng
- Thị trường: tác động tới hướng chuyên môn hóa sản phẩm
- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật: tạo cơ sở cho sự phát triển công nghiệp
 - Đường lối chính sách

BÀI 32.CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

I. Công nghiệp năng lượng

CN năng lượng	Khai thác than	Khai thác dầu	CN điện lực
Vai trò	- Cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện, luyện kim. - Là nguyên liệu cho CN hoá chất, dược phẩm.	- Cung cấp hầu hết nhiên liệu cho các động cơ đốt trong. - Cung cấp nguyên liệu cho CN hoá chất (SX nhiều loại hoá phẩm, dược phẩm.	- Là cơ sở để phát triển nền CN hiện đại - Đẩy mạnh tiến bộ KH - KT - Đáp ứng yêu cầu của cuộc sống văn minh, hiện đại.
Trữ lượng	13.000 tỉ tấn.	400 - 500 tỉ tấn.	Các loại hình SX: Nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử....
Sản lượng và phân bố	- Sản lượng: 5 tỉ tấn/năm. - Phân bố: + Chủ yếu ở bán cầu Bắc + Các nước: Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc, Đức...	- Sản lượng: 3,8 tỉ tấn/năm. - Phân bố: Khai thác nhiều ở các nước đang phát triển, thuộc khu vực Trung Đông, Bắc Phi, Mỹ La Tinh, ĐNA..	- Sản lượng: 15.000 tỉ kwh - Phân bố: Hoa Kỳ, Nhật, Trung Quốc, Canada..

IV.Công nghiệp điện tử-tin học

1. Vai trò

- Là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước.
- Là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới.

2. Đặc điểm

- Ít gây ô nhiễm MT.
- Không chiếm diện tích rộng, không tiêu thụ nhiều kim loại, điện và nước.
- Yêu cầu nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao.

3. Cơ cấu

Gồm 4 phân ngành:

- Máy tính (thiết bị công nghệ, phần mềm)
- Thiết bị điện tử (linh kiện điện tử, các tụ điện, các vi mạch,..)
- Điện tử tiêu dùng (tivi màu, cát sét, đồ chơi điện tử, đầu đĩa..)
- Thiết bị viễn thông (máy fax, điện thoại..)

4. Phân bố

Các nước đứng đầu: Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU,...

VI.Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

1. Vai trò

- Tạo sản phẩm đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu của nhân dân
- Có thể phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế với nhiều hình thức, quy mô và công nghệ thích hợp.
- Góp phần đẩy mạnh xuất khẩu.
- Giải quyết việc làm.

2. Đặc điểm

- Cần nhiều lao động, chịu ảnh hưởng lớn của thị trường tiêu thụ.
- Vốn ít, thời gian đầu tư xây dựng ngắn, quy trình sản xuất đơn giản, hoàn vốn nhanh.
- Dễ thu được lợi nhuận, có khả năng xuất khẩu.

3. Cơ cấu

Cơ cấu ngành đa dạng: dệt may, da giày, nhựa, sành sứ, thủy tinh, giấy in, văn phòng phẩm...

*Ngành công nghiệp dệt may

- Vai trò:

- + Giải quyết nhu cầu may mặc, sinh hoạt cho hơn 6 tỉ người trên TĐ.
- + Thúc đẩy nông nghiệp và các ngành công nghiệp nặng phát triển.

+ Giải quyết việc làm nhất là lao động nữ.

- Phân bố: rộng rãi, các nước phát triển mạnh là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản,...

VII. Công nghiệp thực phẩm

1. Vai trò

- Cung cấp sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ăn uống của con người.
- Tiêu thụ sản phẩm của nông nghiệp, thúc đẩy nông nghiệp phát triển.
- Làm tăng giá trị của sản phẩm, tạo khả năng xuất khẩu, tích lũy vốn.
- Góp phần cải thiện đời sống.

2. Đặc điểm

- Vốn đầu tư ít, quay vòng vốn nhanh.
- Được phân bố tương đối linh hoạt, tùy thuộc vào tính chất nguồn nguyên liệu và thị trường.

3. Cơ cấu

Gồm 3 nhóm ngành chính:

- Chế biến sản phẩm trồng trọt
- Chế biến sản phẩm chăn nuôi
- Chế biến thủy, hải sản

4. Phân bố

Rộng rãi, ở mọi các quốc gia trên thế giới

BÀI 33. MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

*** Khái niệm:**

Tổ chức lãnh thổ CN là sự sắp xếp, phối hợp giữa các quá trình và cơ sở SX công nghiệp trên một lãnh thổ nhất định để sử dụng hợp lý các nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

I. Vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp

- Sử dụng hợp lý nguồn TNTN, vật chất và lao động.
- Đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường
- Thúc đẩy quá trình CNH - HĐH đất nước

Đặc điểm	Điểm CN	Khu CN	Trung tâm CN	Vùng CN
Quy mô lãnh thổ	Thường đồng nhất với một điểm dân cư	Vài trăm ha, có ranh giới rõ ràng (không có dân cư sinh sống bên trong), có vị trí thuận lợi	Gắn với các đô thị vừa và lớn, có VTĐL thuận lợi	Vùng lãnh thổ rộng lớn
Số lượng xí nghiệp và mối liên hệ	Một đến hai xí nghiệp, không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp	Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác SX cao	Bao gồm khu CN, điểm CN và nhiều xí nghiệp CN có mối liên hệ chặt chẽ về SX, kĩ thuật, công nghệ	Bao gồm nhiều điểm, khu CN, TTCN có mối liên hệ về SX và có những nét tương đồng trong quá trình hình thành CN
Đặc trưng chính về SX	Các xí nghiệp có tính độc lập trong quá trình SX	- SX các SP vừa để tiêu dùng trong nước và XK - Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ SX CN	- Có các xí nghiệp nông cốt (hướng chuyên môn hóa của trung tâm thường do các xí nghiệp nông cốt quyết định) - Có các xí nghiệp bổ trợ và phục vụ.	- Có một vài ngành CN chủ đạo tạo nên hướng chuyên môn hóa của vùng, có hạt nhân tạo vùng (thường là TTCN lớn) - Có các ngành phục vụ và bổ trợ

Ví dụ minh họa	Các điểm CN chế biến chè, sữa ở TB; chế biến chè; cà phê ở TN...	Được hình thành ở VN vào những năm 90 của TK XX nhiều ở ĐNB: Tân tạo, Tân Bình, Bình Chiểu, Hiệp Phước...; Nội Bài, Sài Đồng A, B, Thăng Long...; ĐN, Hòa Khánh..Thụy Vân...	- Có ý nghĩa quốc gia: TPHCM, HN, Có nghĩa vùng: HP, ĐN. Cần Thơ; có ý nghĩa địa phương: Việt Trì, Thái Nguyên, Vinh...	- VN có 6 vùng CN: Vùng 1 các tỉnh TD & MNBB (trừ QN); vùng 2: Các tỉnh ĐBSH, QN và TH, Nghệ An, HT; vùng 3: Các tỉnh Quảng Bình đến Ninh Thuận; vùng 4: Các tỉnh Tây Nguyên (trừ Lâm Đồng); vùng 5: Các tỉnh ĐNB và Bình Thuận, Lâm Đồng; Vùng 6: các tỉnh ĐBSCL
-----------------------	--	--	---	---

B. KĨ NĂNG: - Sử dụng bản đồ để trình bày và giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số ngành công nghiệp trên thế giới.

- Vẽ biểu đồ, nhận xét biểu đồ; phân tích số liệu thống kê về một số ngành công nghiệp trên thế giới.

II. ĐỀ MINH HỌA

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2021 - 2022

Môn: Địa lí, Lớp 10

Thời gian làm bài: 45 phút (không tính thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Ngành công nghiệp không có vai trò nào sau đây?

- A. Tạo ra của cải vật chất. B. Cung cấp tư liệu sản xuất.
C. Cung cấp nguồn thực phẩm. D. Tạo ra sự tiến bộ của xã hội.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm của ngành công nghiệp?

- A. Sản xuất mang tính mùa vụ. B. Gồm 2 giai đoạn sản xuất.
C. Tính tập trung cao độ. D. Tính chuyên môn hóa cao.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây **không** phải của ngành công nghiệp?

- A. Đất là tư liệu sản xuất. B. Bao gồm hai giai đoạn.
C. Có tính tập trung cao độ. D. Gồm nhiều ngành phức tạp.

Câu 4. Ngành công nghiệp nào sau đây là tiền đề của tiến bộ khoa học - kĩ thuật?

- A. Dệt - may. B. Cơ khí. C. Điện lực. D. Thực phẩm.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng với sự phân bố của ngành công nghiệp khai thác than?

- A. Gần với vùng nguyên liệu. B. Gần đầu mối giao thông.
C. Gần với thị trường tiêu thụ. D. Gần với các đô thị lớn.

Câu 6. Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là “quả tim” của công nghiệp nặng?

- A. Thực phẩm. B. Năng lượng. C. Dệt may. D. Cơ khí.

Câu 7. Sản phẩm nào sau đây thuộc ngành công nghiệp cơ khí tiêu dùng?

- A. Dầu thô. B. Da giày. C. Cá hộp. D. Tủ lạnh.

Câu 8. Công nghiệp nào sau đây cần nguồn lao động có trình độ cao?

- A. Điện tử - tin học. B. Dệt - may. C. Sành - sứ. D. Da giày.

Câu 9. Thiết bị điện tử là sản phẩm của ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Điện tử - tin học. B. Khai thác khoáng sản.
C. Sản xuất hàng tiêu dùng. D. Công nghiệp cơ khí.

Câu 10. Ngành công nghiệp nào sau đây có quy trình sản xuất đơn giản?

- A. Cơ khí hàng tiêu dùng. B. Cơ khí thiết bị toàn bộ.
C. Công nghiệp chế biến thực phẩm. D. Cơ khí máy công cụ.

Câu 11. Quốc gia nào sau đây có ngành dệt – may phát triển mạnh?

A. Mianma. B. Trung Quốc. C. Cam-pu-chia D. Angiêri.

Câu 12. Sản phẩm nào sau đây thuộc ngành công nghiệp thực phẩm?

A. Da giày. B. Rượu bia. C. Tơ tằm. D. Sành sứ.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

A. Chi phí vận tải thấp. B. Có khả năng xuất khẩu
C. Thu hồi vốn nhanh. D. Quy trình sản xuất phức tạp.

Câu 14. Sản phẩm của ngành nào sau đây là nguyên liệu chủ yếu của ngành công nghiệp thực phẩm?

A. Cơ khí. B. Chăn nuôi. C. Chế tạo. D. Hóa dầu.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ NĂM 2016 (Đơn vị: tỉ kwh)

Năm	2010	2015	2016
Sản lượng điện	17,5	23,9	25,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, sản lượng điện của In-đô-nê-xi-a năm 2016 so với năm 2010 tăng

A. 5,6 tỉ kwh. B. 6,5 tỉ kwh. C. 7,2 tỉ kwh. D. 7,5 tỉ kwh.

Câu 16. Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG THAN, ĐIỆN CỦA ẤN ĐỘ GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

(Đơn vị;

%)

Năm	2010	2017
Than	100	154
Điện	100	127

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Căn cứ bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng sản lượng than, điện của Ấn Độ năm 2010 và năm 2017?

A. Điện tăng nhanh hơn than. B. Than và điện đều không tăng.

C. Than tăng nhanh hơn điện. D. Điện tăng nhanh, than không tăng

Câu 17. Ngành nào sau đây cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm?

A. Trồng trọt. B. Du lịch. C. Giao thông. D. Thương mại.

Câu 18. Than là nhiên liệu của ngành nào sau đây?

A. Thủy điện. B. Điện tử. C. Thực phẩm. D. Nhiệt điện.

Câu 19. Ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn nhờ nhân tố nào sau đây?

A. Tiến bộ khoa học kĩ thuật. B. Trình độ người lao động.

C. Sự phát triển của đô thị. D. Trữ lượng khoáng sản.

Câu 20. Nhân tố nào sau đây là cơ sở để xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng?

A. Khí hậu và nguồn nước. B. Địa hình và khoáng sản

C. Khoáng sản và thị trường. D. Vị trí địa lí và sinh vật.

Câu 21. Sự phân bố của ngành công nghiệp chế biến phụ thuộc vào nhân tố nào sau đây?

A. Khoáng sản và lao động. B. Lao động và thị trường.
C. Nguồn nước và sinh vật. D. Nguồn lao động và vị trí.

Câu 22: Nhân tố nào ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?

A. Điều kiện tự nhiên.

B. Kinh tế - xã hội.

C. Dân cư – lao động.

D. Cơ sở vật chất.

Câu 23. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của trung tâm công nghiệp?

A. Có ranh giới rõ ràng.

B. Gồm 1 đến 2 xí nghiệp.

C. Gần với các đô thị lớn.

D. Có các ngành bổ trợ.

Câu 24. Khu công nghiệp tập trung có đặc điểm nào sau đây?

A. Gồm 1 đến 2 xí nghiệp.

B. Có dân cư sinh sống.

C. Có ranh giới rõ ràng.

D. Xa trục đường giao thông.

Câu 25. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây có quy mô nhỏ nhất?

A. Vùng công nghiệp.

B. Khu công nghiệp.

C. Trung tâm công nghiệp.

D. Điểm công nghiệp.

Câu 26. Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của vùng công nghiệp?

A. Không có mối liên hệ giữa các ngành.

B. Có lãnh thổ rộng lớn.

C. Có ngành chuyên môn hóa.

D. Có nhiều điểm công nghiệp.

Câu 27. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU THÔ KHAI THÁC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016 – 2019
(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2016	2017	2018	2019
Sản lượng dầu thô	17	15	14	13

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô khai thác của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2019?

A. Luôn tăng.

B. Ổn định.

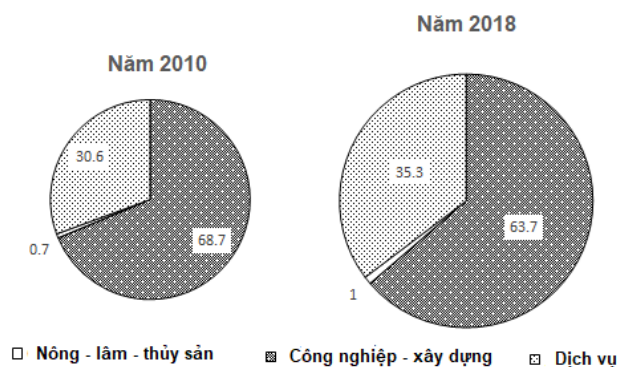
C. Tăng mạnh.

D.

Đều giảm.

Câu 28. Cho biểu đồ

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA BRU-NÂU NĂM 2010 VÀ 2018
(Đơn vị: %)



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Căn cứ biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng GDP phân theo ngành kinh tế của

Bru-nây năm 2010 và năm 2018?

A. Nông - lâm - thủy sản giảm, dịch vụ tăng.
dịch vụ giảm.

B. Công nghiệp - xây dựng giảm,

C. Công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ tăng.
tăng.

D. Nông - lâm - thủy sản tăng, dịch vụ

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1(2 điểm). Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA IN-ĐÔ-NÊ- XI-A GIAI ĐOẠN 2010 – 2016
(Đơn vị: tỉ kwh)

Năm	2010	2015	2016
-----	------	------	------

Sản lượng điện	176	240	251
-----------------------	-----	-----	-----

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê,

2016

a. Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của In-đô-nê-xia qua các năm (Lấy năm 2010 = 100%).

b. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của In-đô-nê-xia giai đoạn 2010 – 2016.

Câu 2 (1 điểm)

Kể tên các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta? Vì sao trong phát triển công nghiệp ở nước ta, điện lực phải đi trước một bước?

III. LUYỆN TẬP

1. Nhận biết

Câu 1. Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

A. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất.

B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.

D. khai thác hiệu quả tài nguyên

thiên nhiên.

Câu 2. Điểm giống nhau cơ bản của hai giai đoạn sản xuất công nghiệp là

A. đều sản xuất bằng thủ công.

B. đều sản xuất bằng máy móc.

C. cùng chế biến nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tiêu dùng.

D. cùng tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu.

Câu 3. Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp là

A. khí hậu.

B. khoáng sản.

C. biển.

D.

rừng.

Câu 4. Công nghiệp có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của

A. các ngành kinh tế.

B. nông nghiệp.

C. giao thông vận tải.

D.

thương mại.

Câu 5. Tính chất hai giai đoạn của ngành sản xuất công nghiệp là do

A. trình độ sản xuất.

B. đối tượng lao động.

C. máy móc, thiết bị.

D.

trình độ lao động

Câu 6. Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn?

A. Dân cư và nguồn lao động.

B. Thị trường.

C. Đường lối chính sách.

D. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

Câu 7. Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

A. tài nguyên thiên nhiên.

B. vị

trí địa lí.

C. dân cư và nguồn lao động.

D. cơ sở hạ tầng.

Câu 8. Ý nào sau đây đúng với vai trò của ngành sản xuất công nghiệp?

A. Là cơ sở để phát triển ngành chăn nuôi.

B. Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người.

C. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội.

D. Tạo ra mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương, các nước.

Câu 9. Điều **không** phải sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm?

A. Dệt - may, da giày, nhựa.

B. Thịt, cá hộp và đông lạnh.

C. Rau quả sấy và đóng hộp.

D. Sữa, rượu, bia, nước giải khát.

Câu 10. Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân ngành nào sau đây?

A. Công nghiệp điện lực, hóa chất và khai thác than.

B. Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí.

C. Khai thác gỗ, khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện.

D. Khai thác than, khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

Câu 11. Than là nguồn nhiên liệu quan trọng cho

A. nhà máy chế biến thực phẩm.

B. nhà máy nhiệt điện, nhà máy

luyện kim

C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, điện hạt nhân.

D. nhà máy thủy điện, nhà máy

2. Thông hiểu

Câu 12. Nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp?

A. Vị trí địa lí.

B. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

C. Thị trường.
thuật.

D. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ

Câu 13. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp bao gồm hai giai đoạn.

B. Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ.

C. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

D. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành.

Câu 14. Ý nào sau đây **không** đúng với vai trò của ngành công nghiệp?

A. Luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP.

B. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn.

C. Cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế.

D. Tạo ra các sản phẩm tiêu dùng có giá trị, góp phần phát triển kinh tế.

Câu 15. Ý nào sau đây **không** đúng với tính chất tập trung cao độ của công nghiệp?

A. Tập trung tư liệu sản xuất.

B. Thu hút nhiều lao động.

C. Tạo ra khối lượng lớn sản phẩm.

D. Cần không gian rộng lớn.

Câu 16. Tính chất tập trung cao độ trong công nghiệp được thể hiện rõ ở việc

A. làm ra tư liệu sản xuất và sản phẩm tiêu dùng.

B. phân phối sản phẩm công nghiệp trên thị trường.

C. tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm.

D. tập trung nhiều điểm công nghiệp và xí nghiệp công nghiệp.

Câu 17. Ý nào sau đây **chưa chính xác** về đặc điểm của ngành công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ.

B. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp.

C. Công nghiệp ngày càng sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.

D. Có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

Câu 18. Ngành sản xuất công nghiệp khác với ngành nông nghiệp ở chỗ

A. đất trồng là tư liệu sản xuất.
lao động.

B. cây trồng, vật nuôi là đối tượng

C. phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên.
nhiên.

D. ít phụ thuộc vào điều kiện tự

Câu 19. Ý nào sau đây **không phải** vai trò của ngành công nghiệp điện lực?

A. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật.
nghiệp hiện đại.

B. Là cơ sở để phát triển nền công

C. Đáp ứng đời sống văn hóa, văn minh của con người.
mặt hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước.

D. Là

Câu 20. Ngành được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

A. công nghiệp cơ khí.

B. công nghiệp điện tử - tin học.

C. công nghiệp năng lượng.
dùng.

D. công nghiệp sản xuất hàng tiêu

Câu 21. Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

A. Ít gây ô nhiễm môi trường.
lao động.

B. Không yêu cầu cao về trình độ

C. Không chiếm diện tích rộng.
điện, nước.

D. Không tiêu thụ nhiều kim loại,

3. Vận dụng

Câu 22. Một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của một nước là

A. tỉ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP. **B.** tỉ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP.

C. tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp. **D.** tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp.

Câu 23. Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp là

A. Dân cư, nguồn lao động.

B. Thị trường.

C. Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật.

D. Đường lối chính sách.

Câu 24. Các hình thức chuyên môn hóa, hợp tác hóa, liên hợp hóa có vai trò đặc biệt trong sản xuất công nghiệp vì

A. công nghiệp có hai giai đoạn sản xuất.

B. công nghiệp có tính chất tập trung cao độ.

C. công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp.

D. công nghiệp là tập hợp các hoạt động sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Câu 25. Tỉ vi màu, cát sét, đồ chơi điện tử, đầu đĩa là sản phẩm của nhóm ngành nào sau đây?

A. Máy tính.

B. Thiết bị điện tử.

C. Điện tử tiêu dùng.

D.

Điện tử viễn thông.

Câu 26. Ngành công nghiệp nào sau đây thường được phát triển ở nơi có dân cư đông?

A. Cơ khí.

B. Sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Hóa chất.

D.

Năng lượng.

Câu 27. Ở nước ta, vùng than lớn nhất đang khai thác thuộc tỉnh

A. Lạng Sơn.

B. Hòa Bình.

C. Cà Mau.

D.

Quảng Ninh.

Câu 28. Ở nước ta hiện nay, dầu mỏ đang khai thác nhiều ở vùng

A. Bắc trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đông Nam Bộ.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 29. Ý nào sau đây đúng nhất khi so sánh điểm khác nhau cơ bản giữa khu công nghiệp và điểm công nghiệp?

A. quy mô rộng lớn, ranh giới rõ ràng, được đặt ở vị trí thuận lợi.

B. quy mô rộng lớn, đồng nhất với điểm dân cư, nằm gần nguồn nguyên liệu, nông sản.

C. có ranh giới rõ ràng, gồm 1 đến 2 xí nghiệp công nghiệp không có mối liên hệ với nhau.

D. đồng nhất với điểm dân cư, gồm nhiều nhà máy, xí nghiệp có mối liên hệ sản xuất với nhau.

Câu 30. Điểm khác nhau giữa trung tâm công nghiệp với vùng công nghiệp là

A. có nhiều xí nghiệp công nghiệp.

B. có các nhà máy, xí nghiệp hỗ trợ phục vụ.

C. sản phẩm vừa tiêu thụ trong nước vừa xuất khẩu.

D. vùng công nghiệp có quy mô lớn hơn trung tâm công nghiệp.

Câu 31. Ở Việt Nam, trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất về giá trị sản xuất công nghiệp?

A. Biên Hòa.

B. Thủ Dầu Một.

C. TP. Hồ Chí Minh.

D.

Vũng Tàu.

4. Vận dụng cao

Câu 32. Vai trò quan trọng của công nghiệp ở nông thôn và miền núi được xác định là

A. Nâng cao đời sống dân cư.

B. Cải thiện quản lí sản xuất.

C. Xoá đói giảm nghèo.

D. Công nghiệp hoá nông thôn.

Câu 33. Trình độ phát triển công nghiệp hoá của một nước biểu thị ở

A. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật.

B. Trình độ phát triển và sự lớn mạnh về kinh tế.

C. Sức mạnh an ninh, quốc phòng của một quốc gia.

D. Trình độ lao động và khoa học kĩ thuật của một quốc gia.

Câu 34. Ngành công nghiệp nào sau đây có khả năng giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ?

A. Công nghiệp luyện kim.

B. Công nghiệp dệt.

C. Công nghiệp hóa chất.

D. Công nghiệp năng lượng.

Câu 35. Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước?

- A. Điện lực.
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Chế biến dầu khí.
- D. Chế biến nông - lâm - thủy sản.

Câu 36. Khu công nghiệp tập trung phổ biến ở nhiều nước đang phát triển vì

- A. có nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.
- B. phù hợp với điều kiện lao động và nguồn vốn.
- C. thúc đẩy đầu tư và tăng cường hợp tác quốc tế.
- D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 37. Ở Việt Nam phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung vì

- A. có nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.
- B. đạt được hiệu quả kinh tế cao.
- C. có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống.
- D. có cơ sở hạ tầng khá phát triển.

Câu 38. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật tác động đến sự phát triển và phân bố công nghiệp được biểu hiện ở việc

- A. thúc đẩy sự phát triển và quy mô công nghiệp.
- B. tạo thuận lợi hay cản trở cho phát triển công nghiệp.
- C. tạo điều kiện cho phân bố và phát triển công nghiệp.
- D. tạo điều kiện xác định con đường phát triển công nghiệp.

Câu 39. Sự phát triển và phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phụ thuộc chủ yếu vào nhân tố nào sau đây?

- A. Thị trường và tiến bộ khoa học kĩ thuật.
- B. Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.
- C. Nguồn nguyên liệu và nguồn lao động.
- D. Vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên.

Câu 40. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự tăng nhanh của sản lượng điện trên thế giới?

- A. Ngành có hiệu quả kinh tế thấp.
- B. Nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất.
- C. Có nhiều nguồn sản xuất điện.
- D. Nhiều nhà máy điện có công suất lớn.

HẾT

